IN LẦN THỨ NHẤT

Giá bán : 0 $ 10

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 1479

DU-LỊCH TRUNG-KỲ

BAT - LONG

soạn

Đã đăng báo Tiếng-Dân

Nhà in Tiếng-Dân xuất - bản

1930

IMPRIMERIE TIÊNG-DAN
Rue Đông-Ba
HUÉ

8° Indoch. Pièce 1371

1371

Source gallica.bnf.fr / Bibliothèque nationale de France
https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

Bat-Long

IN LẦN THỨ NHẤT

Giá bán : 0$10

DU-LỊCH. TRUNG-KỲ

Nhà in Tiếng-Dân xuất-bản

Đã đăng báo Tiếng-Dân

Pièce
8° Indoch
1371

1930

IMPRIMERIE TIENG-DAN
Rue Dông - Ba
HUÉ

https://tieulun.hopto.org

TỰA

Người xưa có câu « Đọc sách muôn quyển, đi đường ngàn dặm, hai đều không nên thiếu một » (讀萬卷書, 行千里路, 缺一不可), *ấy là nói đều cần-thiết và ích-lợi của sự du-lịch, không kém gì sự học.*

Người nước ta xưa nay ít chuộng sự du-lịch, dầu từ tỉnh nầy sang tỉnh kia mà cũng không khác gì như đi đến một nước khác. Gần đây thế-giới giao-thông, cái ích-lợi của sự du-lịch ai cũng công-nhận ; song lại lấy sự đi Tây đi Tàu làm vinh-dự, còn đối với sự du-lịch trong nước thì cho là thông thường; mà nhứt là xứ Trung-kỳ, đường giao-thông chưa tiện, xưa nay lại chưa có bản sách nào nói rõ núi sông phong-cảnh danh-thắng và cổ-tích về xứ ấy, vì thế mà những khách du-lịch cũng giảm mất cái cao hứng ngoạn-du.

Trước đây báo Tiếng-Dân có đăng mấy bài của ông Bát long viết về sự du-lịch Trung-kỳ. Tuy là đơn giản, song cũng một bức đồ phác-họa riêng về xứ Trung-kỳ, các độc-giả Tiếng-dân nhiều người viết thư khuyên bản-quán in thành quyển sách nhỏ, cho tiện cầm tay. Nay in xong, viết thêm vài lời, gọi là « gõ tiếng gạch mà dẫn tiếng ngọc (扣甎引玉) *», sau nầy ai làm được bản sách tường-bị hơn, thì bản nầy là một bản vỡ đầu vậy.*

Bản-quán

https://tieulun.hopto.org

DEPOT LEGAL
INDOCHINE
N° 14179

DU-LỊCH TRUNG-KỲ

Du-lịch có ba mục-đích :

1) Hoặc muốn bổ ích cho học-vấn, ra ngoài vòng sách vở mà lịch-duyệt với tai mắt, lấy nhũng sự kết-quả trong cuộc khai-khẩn chế-tạo để quan-sát ;

2) Hoặc buồn, vì những đều trông thấy ngoài hoàn-cảnh, hay vì những nỗi uất-bức trong tâm-hồn mà buồn, muốn tạm lánh những nơi náo-nhiệt mà tìm vui trong thú giang-hồ ;

3) Hoặc có khiếu khảo cổ, muốn tìm những dấu tích của người đời xưa còn lại để nghiên-cứu.

Trong ba mục-đích vừa nói đó, xứ Trung-kỳ tuy nghèo vật-liệu về mục-đích thứ nhứt mà lại giàu vật-liệu về mục-đích thứ hai và thứ ba.

Mấy năm nay, đồng-bào ta trong Nam ngoài Bắc qua lại Truug-kỳ cũng nhiều, song những cổ-tích đặc-biệt, phong-cảnh thanh-tú ở Trung-kỳ, đã mấy kẻ để ý đến ? Tôi dám chắc nếu có cũng chỉ số ít. Vì sao ? Vì số nhiều không có mục-đích nhứt-định,

https://tieulun.hopto.org

trước khi du-lịch không tìm sách vở mà khảo-sát địa-dư lịch-sử những nơi mình sắp du-lịch ; lại vì nếu muốn khảo-sát cũng ít có sách vở, nhất là sách vở bằng quốc-văn. Tôi viết mấy bài nầy là có ý giúp một vật-liệu khảo-sát cho khách du-lịch vậy.

* * *

Trung-kỳ là một giải đất giài mà hẹp, trên có núi, dưới có biển. Từ bắc vào nam có 12 tỉnh : Thanh - hóa, Nghệ - an (tỉnh lỵ Vinh), Hà - tĩnh, Quảng-bình (tỉnh lỵ Đồng-hới), Quảng-trị, Thừa-thiên (kinh-đô Huế), Quảng-nam (tỉnh lỵ Hội-an hay Faifo), Quảng-ngãi, Bình-định (tỉnh lỵ Qui-nhơn), Phú-yên (tỉnh lỵ Sông-cầu), Khánh-hoa (tỉnh lỵ Nha-trang) và Bình-thuận (tỉnh lỵ Phan - thiết). Lại còn có ba tỉnh mọi : Kontum, Darlac (tỉnh lỵ Banméthuột), và Lâm-viên (tỉnh lỵ Dalat), Đà-nẵng (Tourane) là đất nhượng-địa.

Nhân-vật mỗi nơi mỗi khác. Nói đại-ý thì Hoành-sơn (giáp giới hai tỉnh Hà-tĩnh Quảng-bình), trở ra, từ khí-hậu cho đến cổ-tích, nhân-cách tựa tựa giống Bắc-kỳ ; Hoành-sơn trở vào là đất Chiêm-thành buổi trước, cho nên dấu tích người Chàm để lại còn nhiều.

Tôi xin bắt đầu nói về thành phố Huế, rồi dần dần từ Phan-thiết ra Huế cho tiện khách du-lịch

https://tieulun.hopto.org

người trong Nam, sau lại dần dần từ Thanh-hóa vào Huế cho tiện khách du-lịch người ngoài Bắc.

Nhưng trước khi đưa khách du-lịch đi chơi, tôi xin kkách du-lịch biết cho mấy đều nầy :

1) Trong kbi du-lịch, đi xe hơi hơn đi xe lửa mà đi bộ lại hơn đi xe hơi . — Con người ta bây giờ, vì ăn, vì mặc, vì cái thói trang-hoàng mà phải xô nhau, đẩy nhau, hấp tấp, lật đật, bỏ xe lửa dùng xe hơi, bỏ xe hơi dùng tàu bay, đối với hoàn-cảnh tai chỉ nghe một tiếng ù, mắt chỉ thấy một màu trắng ! Nếu du-lịch mà cũng đem theo cái não « cạnh-tranh » ấy thì làm sao thú được ? Chưa ra đi đã muốn đến nơi, thế nào gọi là « du » ? Mắt không kịp trông, tai không kịp nghe, thế nào gọi là « lịch » ? Bởi vậy, nếu « thành-tâm » du-lịch thì nên để đồng-hồ ở nhà, bắt chước người đời xưa mà đi, lưng mang gói, tay cầm gậy, đói bụng tìm quán, nắng tìm bóng cây. Du-lịch cách ấy mà sau viết ra sách có dùng những chữ « trèo non lội suối » thời may mới khỏi cái tiếng « nói khoét »

2) Trong con người, quí là tấm lòng ; mà knảo-sát lòng người là một sự rất khó. Muốn biết nhau, phải giao du với nhau, không phải trong một hai ngày, mà phải năm bảy tháng, hai ba năm. Đó là một cái công-lệ cho hết cả các giống người, mà lại là một cái biệt-lệ cho người Trung-kỳ. Người

https://tieulun.hopto.org

Trung-kỳ vì hoàn-cảnh mà thường thường muốn trông không thể dùng mắt, muốn nói không thể dùng lời. Bởi vậy, khách du-lịch muốn biết người Trung-kỳ phải chịu khó mất thì-giờ tự khảo-sát lấy ; cũng bởi vậy, sau nầy, tôi chỉ nói « vật » mà không nói đến « nhân » ;

3) Trong các « vật », có vật trọng, có vật thường, có vật thay đổi hằng ngày, có vật đời đời không lay chuyển. Những việc tầm thường như nơi ăn, nơi ngủ, hay không nhất định như giờ tàu chạy, giá hàng cơm, sau nầy tôi sẽ bỏ qua. Nếu khách du-lịch muốn biết tường tận thì trước khi ra đi nên viết thơ hỏi các hàng cơm hay các sở hỏa-xa. Nói về bề giài các con đường, đường sá thường hay sửa sang thay đổi, nhất là ở về các miền thượng-du, cho nên có nơi biết cuắc, cũng có nơi chỉ biết phỏng chừng ;

4) Trung-kỳ là một xứ chính-trị đặc-biệt : sắp bước lên xe hay soạn đi rong các phố, phải nhớ đến giấy căn-cước ;

5) Chính-trị đã đặc-biệt mà xứ lại nghèo. Đường giao-thông hay lở, nhà khách-sạn không sang ; cái cáng đời xưa tuy đã mất tích mà cái xe hơi đời nay dùng nhiều khi cũng bất tiện. Nếu không may khách du-lịch lỡ bước phải rúc vào một cái lều tranh, thì một cái chõng tre, vài chén nước lã, có khi lại dặm thêm ba bốn câu việc đời, chỉ có thế là vật thù tạc.

https://tieulun.hopto.org

HUẾ

Chữ « Huế » chính chữ «hóa» 化 mà ra, Nguyên xứ Huế buổi xưa là đất Chiêm - thành. Vào khoảng thế-kỷ 14, An-nam ta lấy được đất Chiêm-thành mới chia xứ ấy ra làm 2 châu « Thuận » và « Hóa ». Năm 1480, Nhà Lê nhập hai châu ấy lại làm một xứ gọi là xứ « Thuận-hóa ». (Đời Trần gả Công-chúa Huyền-trân 玄珍 cho vua Chiêm-thành. Vua Chiêm-thành nộp hai châu Ô, Lý 烏哩 làm lễ sính. Huế là thuộc về đất châu ấy). Năm 1558, vua Lê sai ông Nguyễn-Hoàng vào trấn miền ấy. Mấy đời chúa Nguyễn ở đó được ít lâu thì bị Tây-sơn đuổi. Năm 1802, vua Gia-long thống nhứt được Nam, Bắc, đặt ra tỉnh Quảng-đức, rồi đổi là Thừa-thiên. Sau người Pháp lại dùng chữ Hóa (Huế).

Thành phố Huế ở hai bên bờ sông Hương, cách biển 12 km. Bên hửu sông Hương Tây ở, bên tả sông Hương ta ở. Nói như thế là nói đại khái ; thực ra thì bên hữu cũng có ta mà bên tả cũng có Tây.

Bên hữu Sông Hương từ La-ga đến Đập-đá có một con đường cái lớn đi theo mép sông. Các công sở Bảo-bộ lớn như tòa Khâm-sứ Trung-kỳ, tòa Công-sứ Thừa-thiên, Nhà thương, trường Quốc-học, trường Đồng-khánh đều ở hai bên con đường ấy. Các công sở khác và lầu đài của Tây cũng ở xung quanh đó. Sau lưng « xóm tây » ấy có ba « xóm

https://tieulun.hopto.org

nam » có tiếng : An-cựu, Bến-ngự và Phú-cam. Phú-cam là nơi có nhà thờ lớn của giáo Gia-tô. Cũng bên hữu sông Hương, xa hơn nữa thì có Nam-giao và các lăng vua.

Bên tả sông Hương cũng có một con đường lớn đi theo mép sông. Đi lên thì gặp ba nơi có tiếng : làng Kim-long, chùa Thiên-mậu và Văn-miếu. Đi xuống thì gặp chợ Đông-ba, Gia-hội và Bao vinh. Sau lưng con đường ấy là Kinh-thành. Kinh-thành là nơi Triều-đình Annam ở. Trong ấy có: mấy giãy nhà của quan nam, viện Cơ-mật là nơi Chánh-phủ Annam làm việc, công cuộc mới như «Muy-dê Khải-định », công cuộc cũ như Sử-quán Tàng-thư, Tịnh-tâm. Trong Kinh-thành có Hoàng-thành là nơi vua Annam làm việc. Trong Hoàng-thành lại còn có Tư-cấm-thành : Tư-cấm-thành là nơi vua và vợ con vua ở.

Khách du-lịch đến Huế cần biết :

1) Khách-sạn,

2) Cổ-tích,

3) Phong-cảnh.

NÓI VỀ KHÁCH-SẠN

Ở Huế ít có khách-sạn. Bên hữu sông Hương, hiện nay có hai khách-sạn : « Hôtel Morin » ở đầu cầu Trường-tiền và «Hôtel Tôn-thất-Dinh» Hôtel cô Một khi trước) ở trước mặt La-ga. Bên tả sông

https://tieulun.hopto.org

Hương có hai ba khách - sạn nhỏ, nửa tây nửa ta. Ở Huế còn có một thứ khách-sạn đặc - biệt là « tròng ngao » : về mùa hè, thuê đò mà nghỉ giữa sông Hương mát lắm, mát hơn phòng ngủ nhiều.

NÓI VỀ CỔ - TÍCH

Từ Hoành-sơn trở vào những cổ-tích còn lại đều là của Chiêm-thành. Chỉ ở Huế mới có năm bảy cái của Annam, như là : Hoàng-thành, Thiên-mậu, Văn-miếu, Nam-giao và các lăng vua.

Muốn xem Hoàng-thành, lăng Khải-định và tháp Thiên-mậu (tháp chớ không nói chùa) phải có giấy phép. Các nơi khác thì không cần. Muốn có giấy phép, người Tây phải xin ở sở Du-lịch, thuộc về Tòa Khâm-sứ, người Nam phải xin ở Bộ-Lễ thuộc về Triều-đình Annam.

« Hoàng-thành » là nơi vua Annam làm việc. Trong Hoàng-thành, ở khoảng giữa, phía trước có điện Thái-hòa, phía sau có điện Cần–chánh ; cữa Đại-cung-môn ngăn hai cái điện ấy. Điện Thái-hòa là nơi vua « ngự» trong những nhịp trọng ; trong điện có một cái ngai vàng và một cái bàn cẩn xa cừ ; trước điện có một cái sân lớn lát đá, là nơi các quan lạy vua. Điện Cần-Chánh là nơi vua « ngự » trong những nhịp thường ; trong điện cũng có một cái ngai vàng ; hai bên điện có hai

https://tieulun.hopto.org

giãy nhà, hoặc để làm nơi đãi tiệc tiếp khách, hoặc để các quan « trực » (« trực » cũng như người Tây nói « Garde »).

Bên hữu điện Thái-hòa và điện Cần-chánh có ba cái nhà : Trước là Thế-miếu, nơi thờ các vua Nguyễn ; giữa là Hưng-miếu, nơi thờ ông thân sinh vua Gia-long ; sau là Phụng-tiên, cũng nơi thờ các vua Nguyễn. Trước Thế-miếu có 9 cái đỉnh đời Minh-mạng làm ra để kỷ-niệm công nghiệp các vua Nguyễn (mỗi vua một cái, hiện nay có cái chưa có vua) : cái ở giữa có chữ « Đại » là để kỷ-niệm vua Gia-long.

Bên tả điện Thái-hòa và điện Cần-chánh cũng có ba cái nhà : trước là Thiếu-miếu nơi thờ ông Nguyễn-Kim là thỉ tổ họ Nguyễn ; giữa là Thái-miếu, nơi thờ các chúa Nguyễn ; sau là nội-vụ, kho bạc riêng của nhà vua.

Chùa « Thiên-mậu » (tục gọi Thiên-mụ) là của chúa Tiên-vương họ Nguyễn lập ra năm 1661. Tục truyền có một bà tiên hiện ra nói phải lập chùa ở đó mà thờ, nói rồi biến mất, vì thế nên chùa lập ra gọi là « Thiên-mậu ».

Chùa Thiên-mậu gồm : 1) một cái cửa lớn gọi Nghi-môn, ở từng trên có tượng Hộ-pháp, — 2 lầu chuông ở bên tả cửa Nghi-môn, — 3, lầu trống ở bên hữu, — 4) điện Đại-hùng thờ ở giữa ông Thích-ca, bên tả ông Di-đà, bên hữu ông Di-lạc, — 5) miếu Quan-âm, — 6) miếu Quan-đế.

https://tieulun.hopto.org

Trước chùa có cái tháp, hình bát giác cao bảy từng, trong có 7 ông phật vàng. Bên tả có cái bia của chúa Minh-vương dựng. Bên hữu có cái chuông cao hai thước rưỡi tây, nặng hai nghìn kilo. Tháp dựng năm 1844, bia năm 1755, chuông năm 1710.

«Văn-miếu» là đền thờ ông Khổng-tử. Trong đền, ở giữa thờ ông Khổng-tử, hai bên thờ «tứ-phối» (Nhan-tử, Tử-tư, Tăng-tử, Mạnh-tử) và «thất thập nhị hiền». Hai bên đền có hai nhà thờ các hiền triết. Trước đền có ba cửa.

«Nam-giao» là nơi tế trời. Ai tế? Vua. Khi nào tế? Ba năm một lần, tháng hai, ngày «Tân». Bắt chước ai mà tế? Bắt chước Tàu, Từ đời nhà Châu, nghĩa là ba trăm năm trước Tây-lịch.

Nam-giao có bốn cái nền: nền thứ nhứt tròn như «trời», nền thứ hai vuông như «đất», nền thứ ba và thứ tư cũng vuông. Trên nền thứ nhứt, về phía bắc, có hai cái đàn, cái bên tả để tế «Hiệu-thiên-thượng-đế», cái bên hữu để tế «Hoàng-địa-kỳ»; về phía tây và phía đông cũng có năm cái đàn để tế ông Nguyễn-Kim, vua Gia-long, vua Minh-mạng, vua Thiệu-trị, vua Tự-đức. Trên nền thứ hai cũng có nhiều đàn để tế mặt trời, mặt trăng, các ngôi sao, thần mưa, thần gió, thần sông v. v. Còn hai nền dưới để làm nơi sắp đặt việc tế. Nền thứ tư trồng thông nhiều.

«Lăng vua» có năm cái lớn: lăng Gia-long

https://tieulun.hopto.org

(cách Huế 14 km), lăng Minh-mạng (11 km) lăng Thiệu-trị (7 km), lăng Tự-đức (6 km), và lăng Khải-định (8 km). Đó là nói đường bộ. Dùng đường thủy đi cũng được.

Nói về cổ-tích, phải trừ lăng Khải-định mới làm đây. Những đều tôi nói sau nầy là nói về mấy lăng kia.

Theo triết-lý ta buổi xưa, người ở đời trọng yếu không phải ở sự sống chết, trọng yếu chỉ vì tánh hạnh, công-nghiệp của mình đối với xã-hội. Đối với xã-hội nghĩa là làm gương cho hậu sinh. Vì có ý « làm gương » nên có ý « ghi dấu tích » ; vì có ý « ghi dấu tích » nên ai ai cũng muốn ba đều : xây mả để ghi dấu tích cho phần xác, dựng nhà thờ để ghi dấu tích cho phần hồn, dựng bia để ghi dấu tích cho công-nghiệp quảng - đại. Mấy cái lăng vua ở Huế chính làm theo ba nguyên-lý đó. Bởi vậy, trong các lăng ấy, ngoài những vật phụ như nhà lục-giác, hồ bán nguyệt, ngựa đồng, voi đá v. v. lăng nào cũng có : một cái mả là nơi chôn xác (nơi nầy không có phép vào xem), một cái đền thờ và một cái bia.

Các lăng vua lại còn có một đặt-sắc khác. Ở bên bờ sông Hương, bốn phía cỏ cây sầm-uất, lăng nào cũng có cái cảnh thú tịch-mịch, thiệt đúng một nơi nghỉ cho linh-hồn sau khi chết. Người Á-đông ta, nhứt là hạng người có cựu-học nhiều,

https://tieulun.hopto.org

ưng tịnh ghét động, nếu vừa gặp một khúc đời ba chìm bảy nổi giữa ngọn sóng phiền - ba bấy giờ, mà bước vào trong các lăng đó, thì trong tâm trí phát ra ngay một mối êm-thắm nhẹ-nhàng vô hạn.

NÓI VỀ PHONG-CẢNH

Muốn xem phong-cảnh xứ Huế, có hai cách : hoặc đi bộ hay đi xe mà xem các vùng ở chung quanh núi Ngự-bình và hai lăng Tự-đức, Thiệu-trị cho đến chỗ « point de vue » ; hoặc đi đò.

Đôi ba anh em, thuê một chiếc « tròng-ngao », đem đi theo một bình rượu, ít cái chén, năm bảy con mực khô. Nếu muốn đi chơi đôi ba ngày, thì phải đề-phòng việc ăn uống. Như mình chưa quen hơi rượu vạng và mùi cá hộp quá độ, thì có thể giao sự đề-phòng ấy cho nhà đò. Đi đò có hai phía : lần lần đi lên để xem miền Kim-long, Thiên-mậu, Nguyệt-biều, Ngọc-trản v. v. ; hay lần lần đi xuống cữa Thuận, rồi chèo cho đến chùa Túy-vân. Nên lựa mùa hè, vào lúc có trăng, mà đi. Quá nửa đêm, lênh-đênh một mình với một chiếc thuyền, trên thì trăng với sao, dưới thì mặt nước sông Hương, xa xa lại có đôi ba câu hát « chèo đò » phưởng phất đến bên tai, thú ấy, khách du-lịch nên kinh-nghiệm.

https://tieulun.hopto.org

Nói về phong-cảnh, ai cũng biết rằng sông Hương núi Ngự đã nổi tiếng « hữu-tình » đặc-biệt. Vì cái tiếng « hữu-tình » đó mà tôi không dám mượn ngòi bút « phàm » của tôi phô bày ra đây.

Nguyên có hai cách ngoạn cảnh. Hạng người chỉ sống ở bề ngoài thời ngoạn cảnh là đem cái não khảo-cứu mà tạc núi nầy vào giấy, họa sông kia lên tranh cho đúng với sự thực. Còn hạng người hay sống ở bề trong thời ngoạn cảnh là tưởng-tượng, lấy sự sầm-uất của một góc rừng để giải-mệt cho não, mượn thú êm-đềm của một khúc sông để giải phiền cho tấm lòng. Người Á-đông ta thường hay ngoạn cảnh theo lối tưởng-tượng. Mà tưởng-tượng thì cũng núi ấy, sông ấy, có người vui lại có người buồn ; có kẻ mát-mẻ trong tâm trí như lên tiên, lại có kẻ trơ trơ giữa vũ-trụ như hòn đá. Bởi vậy, đối với khách du-lịch người Á-đông, kẻ đem đường không nên phô bày phong-cảnh trước trên tờ giấy ; mà phong-cảnh càng « hữu-tình » lại càng không nên lắm vậy.

Vả chăng, tôi đây đối với sông Hương núi Ngự cũng chỉ là một người « khách qua đường ». Thường thường quanh quẩn miền Nam miệt Bắc sáu bảy năm mới thoáng qua xứ Huế một đôi lần. Mà cũng lạ ! Cái thú « hữu-tình » của Phú-xuân đối với tôi lại có cái năng lực làm cho tôi như bị..... « mộc đè » sau một bữa tiệc ! Bơi thuyền trên

https://tieulun.hopto.org

mặt nước sông Hương hay đứng hóng mắt dưới bóng rừng thông núi Ngự, thì thảnh thơi tâm trí thiệt. Nhưng thột trông thấy lầu-đài trùng-điệp bên nầy, mấy đám rêu xanh còn bám trên bức tường đen bên kia, thì giựt mình, rởn ốc, như đứt đôi đoạn ruột xuân xanh !

TỪ PHAN-THIẾT RA HUẾ

PHAN-THIẾT

Phan-thiết tỉnh lỵ tỉnh Bình-thuận, ở hai bên bờ một con sông nhỏ, cách biển 1 km ; nhiều sở nước mắm. Gần Phan-thiết có: nhà mát ông hoàng Montpensier, tháp Chàm (cách Phan-thiết độ 5 km)

Xứ Phan-thiết buổi xưa là đất Chiêm-thành. Năm 1692 thuộc về Annam ; đến năm 1822 nghĩa là đến đời Nguyễn, mới có tỉnh Bình-thuận.

Từ Phan-thiết đến Hoành-sơn thường gặp tháp Chàm. Vậy nhân tiện đây tôi nói qua sự-tích Chiêm-thành để khách du-lịch hiểu tháp Chàm là gì. Từ Phan-thiết đến Hoành-sơn buổi xưa là nước Chiêm-thành. Nước Chiêm-thành đến thế-kỷ 15 mới thiệt mất, mất nghĩa là bị Annam ta lấy. Hiện nay ở

https://tieulun.hopto.org

Phan-thiết, Phan-rang, Phan-rí còn nhiều người « hời » tức là giòng giống người Chàm khi trước. Người Chàm buổi trước theo đạo Ấn-độ (brahmanisme) cũng như người Cao-mên khi trước. Chỉ có một khoảng từ thế-kỷ 9 đến thế-kỷ 10, nghĩa là trong khi giòng Indrapura làm vua, thì theo đạo Phật phái nam-tôn (Annam ta theo đạo Phật phái bắc-tôn . Về sau, đến thế-kỷ 14, nghĩa là khi Chiêm-thành đã mất hơn nửa nước, có một lúc người Chàm theo đạo Hồi-hồi (mahométisme). Bởi vậy, trong các tháp Chàm, — tháp của người Chàm cũng như chùa của ta, - có những hình-tượng để thờ các vị thần trong đạo Ấn-độ ; đạo Phật phái nam-tôn cũng có, nhưng rất ít. Nói tóm, xem các tháp Chàm có hai mục-đích : 1) khảo-cứu đạo Ấn-độ, — 2) khảo-cứu mỹ-học của người Chàm (cách kiến-trúc, cách họa, cách khảm v. v.)

Đường Phan-thiết — Dalat : Ma-lâm (16 km , Yabak (51 km), Djiring (95 km , Finom (149 km), Dalat (178 km). Đường nầy ở đồng-bằng đi lên núi, đến Yabak cao 780 thước tây, Djiring 1010 thước. Finom 1043 thước, Dalat 1473 thước. Nhiều thác, nhiều phong-cảnh, nhiều chim muông. Nên nhớ : gần trạm Đa-nhim (cây số 124) có thác Dalah Kayon, ở cây số 134 có thác Gu-gah.

Đường Phan-thiết Nhà-trang. — Xe lửa : từ ga Phan-thiết qua Mường—Mán, Sông-mao, Tourcham,

https://tieulun.hopto.org

Ngã - ba đến ga Nha - trang : 233 km. Đường cái : đường « cao » (Phan - thiết — Djiring — Dalat — Phan-thiết — Nhatrang) xem đường Dalat — Nhatrang sẽ nói sau) ; đường «thấp» (Phanthiết — Phanri - Phanrang—Nhatrang) độ 250. Nên nhớ : 1) đi xe lửa, muốn đi Phan-rí phải xuống ga Sông-mao (cách Phan-rí 10 km), muốn đi Phan-rang phải xuống ga Tourcham (cách Phan-rang 7 km) muốn đi Bangoi phải trẹ xuống ga Ngả-ba (cách Bangoï 4 km). — 2) ga Nha-trang cách thành phố Nha-trang 6 km,

DALAT

Dalat là tỉnh lỵ tỉnh Lâm-viên ; cao 1475 thước tây ; ở trong cao-nguyên Lâm-viên, hai bên bờ suối Cam-ly.

Bác-sĩ Yersin tìm ra Dalat năm 1897. Ông Toàn-quyền Doumer nhân đó mà lập Dalat làm nơi hứng gió núi. Năm 1917, Ông Toàn-quyền Roume mở mang Dalat thêm. Hiện nay, Dalat là một xã-tây và ông Toàn-quyền Pasquier sắp đặt giời phủ Toàn-quyền lên đó trong mấy tháng nóng Hanoi.

Dalat là nơi hứng gió núi rất tốt. Xung quanh Dalat có nhiều phong-cảnh đẹp : thác Cam-ly, thác Ankrouët, đỉnh Lâm-viên, đường vòng đi xem « cả-tông » v. v.

https://tieulun.hopto.org

Đường Đalat — Nhatrang. — xe lửa : từ ga Arbre-broyé (từ Abre-broyé đến Dalat độ 30 km chưa có xe lửa, phải đi xe hơi) qua Dran, Bellevue, Krongpha, Tourcham, đến Nhatrang 172 km ; đường cái : Dalat Arbre - broyé, Dran, Bellevue, Krongpha, Bellevue, Nhatrang hơn 200 km. Từ Dalat đến Dran có hai đường đường đi qua Finom dài, đường đi qua Arbre-broyé ngắn hơn. Đường xe lửa từ Arbre-broyé đến Krongpha có mấy khúc răng cưa. Còn đường cái thì chính con đường trên núi xuống đồng bằng, hai bên đường có nhiều phong-cảnh đẹp, nhất là khi đi qua «Eo gió».

Đường Dalat — Banméthuôt : con đường nầy đi qua Fimon, dài hơn 200 km, chưa làm xong.

NHA-TRANG

Nha-trang là tỉnh-lỵ tỉnh Khánh-hòa ; ở bên hữu sông Cái, trước mặt biển. Gió núi có, gió biển nhiều, bãi biển đã rộng lại sạch, thiệt một nơi hứng gió biển rất tốt.

Xứ Nhatrang buổi xưa là đất Chiêm-thành. Thế-kỷ 17, chúa Nguyễn lập ra doanh Thái-khang. Vua Tây-sơn đổi tên Bình-khang. Vua Gia-long đổi lại là trấn Bình-hòa. Đến đời Minh-mạng mới gọi là tỉnh Khánh-hòa.

https://tieulun.hopto.org

Đến Nha-trang nên đi xem :

1) Sở Thực-nghiệm Pasteur ở trong thành phố Nha-trang ; bác-sĩ Yersin lập ra trong năm 1895 ; hiện nay để khảo cứu các bệnh súc vật, nhất là bệnh hạch trâu bò ;

2) Tháp chàm Pô nagar, ở bên tả sông Cái, đối diện với thành phố Nha-trang ; tháp ấy dựng lên trong thế-kỷ thứ 7, đến thế kỷ thứ 12 có sửa lại ; tháp ấy buổi trước có 8 cái, nay trúc đổ chỉ còn 4 cái ; năm 1907, trường Viễn-đông có xây đắp lại sơ sơ bề ngoài để đề phòng sự trúc đổ ;

3) Thành Khánh-hòa, cách Nha-trang 11 km, nơi ở quan Annam ; lập ra năm 1793 (số nhiều các thành Annam khác ở Trung-kỳ lập ra sau năm 1802, nghĩa là sau khi vua Gia-long đã thống nhứt Nam-Bắc) ; ở đó có sự tích quân Tây-sơn đánh quân vua Gia-long : tháng năm năm 1794, hoàng-tử Cảnh và giám - mục Bá-đa-lộc bị quân Tây-sơn vây ở đó gần một tháng, sau có quân đến cứu mới thoát ; cũng năm ấy, vào khoảng tháng 11, tướng-quân Võ-tánh cũng bị quân Tây-sơn vây ở đó;

4) Cửa Chụt, cách Nha-trang 6 km.

5) Sở thực-nghiệm về hải-học ở Cầu-đá xa hơn cửa Chụt một đoạn ;

6) Cửa Bé, cách Nha-trang 8 km.

7) Suối Dầu, sở trồng cao-su của sở thực-nghiệm Pasteur, cách Nha-trang 18 km ; gần đó có Hòn-

https://tieulun.hopto.org

Bà là đỉnh núi để thực-nghiệm cách trồng các giống cây ;

8) Ninh-hòa, một thành phố nhỏ, cách Nha-trang 34 km, có con đường thông với Banméthuôt.

Đường Nha - trang - Sông cầu : Ninh-hòa (34 km , Ninh-định 41 km, bên trái có đường đi Hòn-khói cách đó 12 km), Vạn-giả (61 km) Tu-bông (75 km), trạm Phú-hòa là nơi giáp giới hai tỉnh Khánh-hòa Phú - yên (95 km), nhà giây thép Phú-khê (104 km), Tuy-hòa (123 km, có đường đi Plei-Tur dài 208 km, đường ấy đến cây số 193 thì gặp con đường Kontum — Banméthuôt), Sông - cầu (178 km). Đi con đường nầy có hai đoạn phong cảnh đẹp : đoạn đi qua Đèo-cả (cap Varella) và đoạn gần đến Sông-cầu.

Đường Nha-trang — Banméthuôt : Ninh-hòa (34 km , đèo Yok-kao (78 km), Barang (84 km, Medrac (90 km), Bai blum (144 km), Banméthuôt (186 km).

BANMÉTHUÔT

Banméthuôt là tỉnh-ly tỉnh Darlac ; ở trong cao-nguyên Darlac ; cao-nguyên Darlac cao chừng 400 hay 600 thước tây ; có hai con sông nhỏ (Krong-Khô, Krong-bút) và một cái hồ (Taklak) dài 3 km, rộng 2 km ; trong tỉnh có hai giống mọi : giống mã-lai như mọi Radé và giống Ấn-độ như mọi Mnong.

https://tieulun.hopto.org

Xứ Darlac lúc xưa là đất Lào. Đến năm 1904, chính - phủ Bảo-hộ đổi làm tỉnh rồi đem thống thuộc vào Trung-kỳ.

Đường Banméthuôt — Kontum: Me - Yack (40 km), Plei - kenh (131 km, giáp giới hai tỉnh Banméthuôt Kontum), Plei-Tur (140 km, gần đây có xứ « Thủy-xá, Hỏa-xá », ông Odend'hal bị giết năm 1904 ở đó), cây số 157 (phia tả có đường đi Cheores và Tuy-hòa), Plei - ku (200 km), trạm Tra-huynh (229 km), Kontum (246 km).

SÔNG-CẦU

Sông cầu là tỉnh-lỵ tỉnh Phú-yên ; ở trước mặt biển, nhiều dừa ; cách độ 2 km có thành Annam để quan Annam ở.

Xứ Phú-yên buổi xưa là đất Chiêm-thành. Khi chúa Nguyễn lấy được Chiêm-thành thì đặt ra phủ Phú-yên. Đến đời vua Nguyễn lại đổi làm tỉnh (1831). Năm 1865 cải làm đạo mà thuộc về tỉnh Bình-định. Năm 1876 mới đổi lại tỉnh cho đến bây giờ.

Đường Sông - cầu — Qui nhơn : đèo Cù-mông (36 km), phủ Tuy-phước (54 km. nhập vào con đường Qui-nhơn Quảng-ngãi), Qui-nhơn (60 km).

QUI-NHƠN

Qui-nhơn là tỉnh-lỵ tỉnh Bình-định ; cửa biển :

https://tieulun.hopto.org

tàu khách tàu tây thường hay ghé.

Qui-nhơn bây giờ tức là cữa Thị-nãi khi trước. Thời quân Tây sơn với quân Nguyễn đánh nhau, Thị-nãi chính là « kinh-đô » của ông Nguyễn-văn-Nhạc. Cũng chính ở đó mà giám-mục Bá-đa-Lộc (1799) và tướng quân Võ-Tánh (1801) chết. Đến khi nước Pháp sang, vua Tự - đức phải ký hòa-ước mở cữa biển ấy cho tàu bè ngoại-quốc vào buôn bán (1874).

Đến Qui-nhơn nên đi xem :

1) Tháp Hưng-thạnh (tháp Chàm), cách Qui-nhơn 3 km ;

2) Bình-định, có phố-xá, có thành quan Nam, ở cách Qui-nhơn 20 km ;

3) Cha-bàn, cách Qui-nhơn 26 km, kinh-đô vua Chiêm-thành khi trước (từ thế-kỷ 11 đến thế-kỷ 15);

Đường Qui-nhơn — Kontum : Bình-định (20 km). Phú-phong (45 km), An-khê (84 km), Man-giang (122 km), Tra-huỳnh (200), Kontum (215 km).

Đường Qui nhơn — Quảng-ngãi : Bình-định (20 km), huyện Phù-cát (33 km), Bồng-sơn (90 km), Tam quan (106 km), Sa-huỳnh (115 km), Quảng-ngãi (174).

KONTUM

Kontum là tỉnh lỵ tỉnh Kontum ; ở bên hữu sông Bla, trong cao-nguyên Kontum, cao chừng 7 trăm thước tây.

https://tieulun.hopto.org

Xứ **Kontum** buổi xưa là đất Lào. Cách 80 năm về trước, có hai ông cố ở Qui-nhơn lên giảng đạo đó trước. Dần dần người Annam ta theo các cố lên. Lúc đầu người bên giáo lên, sau người bên lương lên. Năm 1905, chính-phủ Pháp đã để ý đến Kontum, nhưng đến năm 1913 mới lập ra tỉnh Kontum rồi đem thống-thuộc vào Trung-kỳ.

Trong tỉnh Kontum có nhiều giống mọi : Jaraï, Bhanar, Sédang v. v.

Đến Kontum nên đi xem :

1) Dakto cách Kontum độ 60 km, ở về miền mọi Sédang là giống mọi ưng « tự-do », trước hay chống cự với chính-phủ Pháp ;

2) Thác Da-li, cao 42 thước tây, cách Kontum 12 km ;

3) Plei-ku, cách Kontum 46 km, có nhiều đồn-điền.

QUẢNG-NGÃI

Tỉnh lỵ tỉnh Quảng-ngãi gọi là Quảng-ngãi ; ở bên hữu sông Trà-khúc ; quan Tây, quan Nam đều ở trong thành ; ngoài thành có phố-xá. Xứ Quảng-ngãi lúc xưa là đất Chiêm-thành. Đời chúa Nguyễn lập ra phủ Quảng-nghĩa. Hai chữ Quảng-nghĩa có từ khi ấy. Đến đời Tây-sơn gọi là Hòa-nghĩa. Sau còn nhiều lần thay đổi tên ; từ năm 1831, là đời vua Nguyễn, mới gọi lại tỉnh Quảng-ngãi.

https://tieulun.hopto.org

Đến Quảng-ngãi nên đi xem :

1) Châu-sa, thành-lũy của Chiêm-thành khi trước, cách Quảng-ngãi 4 km ;

2) Kỳ-xuyên, gần biển, nhiều dừa và ghe làm cá, cách Quảng-ngãi 14 km ;

3) Thu-xà, cách Quảng-ngãi 8 km, nơi buôn bán, các Chú nhiều ;

4) Núi Bút, cổ-tích Chàm, cách Quảng-ngãi 3 km;

Đường Quảng-nghĩa — Tourane : Tam-kỳ (64 km), chợ Củi (106), Tourane (131 km).

HỘI-AN

Hội-an hay Fai o là tỉnh lỵ tỉnh Quảng-nam ; ở bên tả sông Sài-giang, cách biển độ 6 km. Tuy xa biển nhưng vì sông rộng nên ghe mành thường hay đến, thành ra Hội-an cũng như một cữa biển. Nhiều các Chú.

Xứ Quảng-nam buổi xưa là đất Chiêm-thành. Vua Chiêm-thành đóng đô ở đó đến thế-kỷ 10 mới phải dời vào phía trong. Đời chúa Nguyễn đặt ra Doanh. Đến đời vua Nguyễn mới thành tỉnh Quảng-nam (1831). Nói về Hội-an, đó chính là nơi người Âu-châu đến buôn bán trước tiên.

Ở Hội-an, nói về cổ-tích, có « cầu Nhật-bản », (thường gọi chùa Cầu), chùa Bà Mụ v. v.

https://tieulun.hopto.org

Ngoài Hội-an, nghĩa là trong tỉnh Quảng-nam, có nhiều nơi nên xem, nhưng sau nầy nói đến Đà-nẵng sẽ nói luôn.

Đường Hội-an — Đà-nẵng : thành Quảng-Nam (10 km), chợ Vĩnh-điện (11 km), Đà-nẵng (32 km).

ĐÀ-NẴNG

Tục thường gọi là Hàn. Chữ Tourane tiếng Pháp chính là hai chữ « chợ Hàn » tiếng ta mà ra. Đà-nẵng ở bên sông Hàn, gần biển. Tàu bè lớn đến đậu gần bán-đảo Tiên-chà, cách Đà-nẵng 4 km. Nghe đâu sau nầy Chánh-phủ Pháp sẽ sửa sang cho tàu lớn vào tận bến.

Đà-nẵng có nhiều đoạn sử rắc rối. Hồi ông Nguyễn-Ánh cho con sang cầu-viện nước Pháp đã ký với vua Louis XVI một tờ hòa-ước nhường Đà-nẵng cho nước Pháp (28-11-1787), nhưng vua Louis XVI chưa kịp lấy Đà-nẵng thì đã bị Cách-mệnh giết, thành ra việc nhường đó không kết-quả. Về sau nước Pháp lấy cớ vua An-nam giết các cố-đạo, đem tàu binh đến phá Đà-nẵng ba bốn lần. Đến đời Hoàng-đế Nã-phá-luân thứ ba, nước Pháp rủ nước Tây-ban-nha đến phá Đà-nẵng lần cuối cùng. Vì vua Tự-đức thua nên phải ký hòa-ước 5-6-1862 mở cửa Hàn cho người Pháp vào buôn bán tự-do. Năm

https://tieulun.hopto.org

1883, sự tự do ấy lại mở thêm ra cho cả các nước. Đà-nẵng thiệt thành nhượng-địa « lần thứ hai » mới từ ngày 3-10-1888, là ngay vua Đồng-khánh xuống chỉ-dụ công-nhận sự « nhường » ấy.

Đến Hàn, nên đi xem :

1) My-dê Chàm, ở trong thành-phố, lập từ năm 1916 ; số nhiều đồ trong My-dê lấy ở Trà-kiệu đem về ; ở đó có nhiều « mưởng sành » về mỹ-thuật của người Chàm về các sự-tích trong đạo Ấn-độ ; ai muốn khảo-cứu tường tận, đến đó mượn sách mà xem ;

2) Ngũ-hành-Sơn cách Hàn độ 8 km ; đi bộ hay đi đò cũng được ; có năm hòn núi : hỏa-sơn, mộc-sơn, kim-sơn, thổ-sơn và thủy-sơn ; nhiều hang, nhiều động, nhiều tượng nhứt là Thủy-sơn ; đi Ngũ-hành nên nhớ trèo lên « vọng-giang-đài » và « vọng hải-đài » mà ngắm phong-cảnh ;

3) Đèo Ải-vân, cách Hàn 31 km ;

4) Bà-nà (ta gọi là núi Chúa) ; từ Hàn đến núi Chúa 28 km, có đường đi xe hơi được, từ chân núi lên đến Bà-nà còn 20 km phải đi kiệu ; cao hơn 1400 thước tây ; nơi hứng gió núi gần được như Dalat ; muốn đi phải lựa mùa nóng, nghĩa là từ 15 Juin đến 15 Septembre ;

5) Cổ-tích Chàm ở Trà-kiệu (35 km), Mỹ-sơn (54 km) v. v.

6) Bông-miêu, cách Hàn độ 95 ; mỏ vàng ; buổi

https://tieulun.hopto.org

trước người Chàm lấy ; rồi đến ta ; từ năm 1895 thì người Pháp.

Đường Hàn — Huế : xe lửa : từ ga Tourane-marché qua Nam-ổ (nước mắm), Lang-cô (nơi hứng gió biển), Truồi v. v. đến Huế 107 km. Đường cái : cũng 107 km (có đi qua đèo Ải-vân). Đi hai con đường nầy vui mắt lắm.

TỪ THANH-HÓA VÀO HUẾ

Đường xe lữa Thanh – Huế 519 km :
Thanh-hóa – Vinh 146 km,
Vinh – Bố-trạch (Đồng-hới) 185 km,
Bố-trạch – Quảng-trị 132 km,
Quảng-trị – Huế 56 km.
Đường cái Thanh-hóa – Huế 495 km :
Thanh-hóa – Vinh 139 km,
Vinh – Hatĩnh 49 km,
Hà-tĩnh — Đồng-hới 145 km,
Đồng-hới — Quảng-trị 106 km,
Quảng-trị — Huế 56 km.

THANH-HÓA

Tỉnh-lỵ tỉnh Thanh-hóa gọi là Thanh-hóa ; ở cách

https://tieulun.hopto.org

sông Mả 4 km : có thành quách, có phố phường.

Hai chữ « Thanh-hóa » mới có từ đời Thiệu-trị. Nguyên buổi trước từ đời nhà Đinh xứ ấy gọi là Thanh - hoa ; nhưng khi gọi phủ, khi gọi trấn, khi gọi lộ, đến đời nhà Nguyễn mới đổi làm tỉnh, gọi tỉnh « Thanh-hoa ». Khi vua Thiệu-trị lên ngôi, vì chữ « Hoa » là tên húy của Hoàng-hậu, nên phải đổi làm « Hóa ».

Tỉnh Thanh-hóa là quê quán bà Triệu-Ẩu, họ Tiền-lê, họ Hậu-lê, họ Trịnh, họ Nguyễn.

Người ta thường nói « núi sông chung đúc ». Có vậy. Xét tỉnh Thanh - hóa thì biết. Sơn - xuyên Thanh - hóa có nhiều vẻ thanh tú, thiệt một cái hoàn cảnh cho hạng người mà tục xưa thường gọi « đế vương ». Hạng người ấy tốt hay xấu, cứu thế hay hại thế, đó là một vấn đề « luân-lý » ta không cần xét ở đây làm gì. Nhưng trong lịch-sử nhân-loại, bên Ta cũng như bên Tây, hạng người nầy đã gây thành trong xã-hội nhiều ảnh-hưởng ; mà đã gây thành ảnh-hưởng, tức phải xuất chúng, tức phải khác thường. Người đã khác thường thì sơn xuyên cũng khác thường. Tôi nói câu chuyện nầy là có ý nhắc để khách du-lịch để ý đến phong cảnh Thanh-hóa, lại cũng có ý chứng minh rằng cái luật khoa-học « người là một vật sinh ra bởi hoàn cảnh và di-truyền » là đúng vậy.

Đến Thanh-hóa nên đi xem :

https://tieulun.hopto.org

1/ Bo vệ, đến thờ các vua Lê, cách Thanh-hóa độ 2 km. Trong miền ấy còn nhiều lăng của các vua Lê ;

2/ Nguyễn miếu, đền thờ ông thỉ tổ họ Nguyễn, cách ga Bỉm-sơn 7 km ;

3/ Phố-cát, đền thờ bà chúa Liễu-hạnh ; trước đền có suối nước, có nhiều thứ « cá gáy » xem rất thú ; cách Thanh-hóa độ 47 km ;

4/ Động Từ-thức ở trong núi Thần-phù, cách Thanh-hóa độ 45 km ;

5/ Động Hồ-công, gần Phủ-quảng, cách Thanh-hóa độ 42 km ;

6/ Thành nhà Hồ, cũng gần Phủ-Quảng ;

7/ Động Kim-sơn ;

8/ Sầm-sơn, nơi hứng gió biển, cách Thanh-hóa 17 km.

VINH

Tỉnh lỵ tỉnh Nghệ-an gọi là Vinh. Chữ « Vinh » ở hai chữ « Vịnh-an » (tên một làng gần đó) mà ra. Ở cách Lam-giang 5 km; có cửa biển là Bến-thủy cách Vinh 5 km ; có thành-quách, có phố phường.

Nghệ-an bây giờ tức là quận Nhựt-nam khi trước (742). Năm 758, quận Nhật-nam đổi sang châu Hoan. Năm 1036, châu Hoan lại đổi sang châu Nghệ-An. Hai chữ « Nghệ-an » có từ khi ấy.

https://tieulun.hopto.org

Về sau, khi gọi lộ, khi gọi trấn, đến đời nhà Nguyễn mới gọi là tỉnh Nghệ-an (1831).

Người ta thường gọi Nghệ-an và Hà-tĩnh là đất Hồng-Lam (Hồng là Hồng-lĩnh, Lam là Lam-Giang). Đất Hồng-Lam đã nổi tiếng nhiều anh-kiệt. Nguyên nhân cũng có vì hoàn-cảnh. Sông sâu, núi cao, phong cảnh sầm uất, thiệt một cái lò để đúc những tinh-thần cay vì đời, xót vì thế, bảy nổi ba chìm vì « những điều trông thấy ». Đất « đế-vương » Thanh-hóa có cái sắc « thanh nhàn » mà đất « anh-kiệt » Hồng-Lam lại có cái vẻ « gian truân ».

Đến Vinh nên đi xem :

1/ Các nhà máy ở Bến-thủy và ở Trường-thi gần Bến-thủy ;

2/ Cữa-Lò, nơi hứng gió biển, cách Vinh 19 km ;

3/ Cữa-Rào : Vân-sơn (21 km), Đô-lương (65 km), Cây-Chanh (85 km), Cửa-Rào (180 km) ;

4/ Na-pé : Linh-cảm (28 km), Kim-cương (70 km), Na-pé (111 km) ;

5/ Phủ-quì : Phủ-diễn (37 km), Khê-bon (137 km, Phủ-qui ở bên hữu sông.)

HÀ TĨNH

Tỉnh-lỵ tỉnh Hà-tĩnh là Hà-tĩnh, thuộc về địa phận huyện Thạch-hà).

Nhà Nguyễn lập ra tỉnh Hà-tĩnh, sau đổi làm

https://tieulun.hopto.org

đạo, sau nữa, về đời Thành-thái, đổi lại làm tỉnh.

Xung quanh tỉnh-lỵ có nhiều cổ tích.

ĐỒNG - HỚI

Tỉnh-lỵ tỉnh Quảng - bình là Đồng - hới; ở gần cữa Nhật lệ.

Quảng-bình là nơi Trịnh-Nguyễn tranh nhau trong hai thế-kỷ 17 - 18.

Đến Đồng-hới nên đi xem :

1/ Làng Lý hòa, nơi làm cá ;

2/ Chợ Ba-đồn ;

3/ Đèo ngang (Hoành-sơn) ;

4/ Ròn ;

5/ Chùa Hang Phong-Nhả ;

QUẢNG-TRỊ

Tỉnh - lỵ Quảng-trị gọi là Quảng - trị.

Đến Quảng - trị nên đi xem :

1/ Cữa - tùng, nơi hứng gió mát có tiếng ;

2/ Phước-sơn, nhà tu kín của đạo Gia-tô ;

3/ La-vang, nhà thờ « Đức mẹ » đạo Gia-tô.

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

https://tieulun.hopto.org

NHỮNG SÁCH CÓ BÁN TẠI

BẢN-QUÁN

Sách bản-quán xuất-bản :

Hỏa-xa chỉ-nam	giá 0$30	Án bạc-giấy giả	
Phép nuôi gà	0 18	Thượng và hạ mỗi cuốn	0 15
Phép nuôi tằm	0 12	Gia đình giáo-dục	
Phép nuôi lợn	0 17	Thượng và hạ mỗi cuốn	0 20
Chuyện vui II, III mỗi cuốn	0 10	Giây và dao	0 10
Vận-văn II; III mỗi cuốn	0 12	Đông-Tây vĩ-nhân II	0 25
		Công-nghiệp ông Bát-tơ	0 08
		Du-lịch Trung-kỳ	0 10

SÁCH ĐẠI-LÝ :

Duyên thơ	giá 0$25	Tôn giáo	giá 0$20
Nam quốc nữ-lưu	0 30	Chính trị nước Pháp	0 45
Xã-hội-luận	0 25	Tặng bạn Tri-kỷ	0 25
Pháp-luật	0 20	Cô-tinh-lệ I	0 20
Dân - quyền III	0 20	Cô-tinh lệ II	0 20
Truyện ném bút I	0 06	Hán tự giáo-khoa	0 12
— II	0 06	Nữ Lưu văn-học sử	0 30
Đông-Tây văn-hóa II	0 18		
Thực dân lịch-sử	0 40		

Ai mua, xin chiếu giá gởi tiền và nhớ gởi thêm 0$13 cước. Nếu mua hai quyển trở lên thời thêm mỗi quyển 0$03 nữa.

Tiếng Dân

https://tieulun.hopto.org